

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Số: 12/2025/QĐ-BVF-HĐTV

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Quy chế Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quyết định 01/2025/QĐ-BVF-HĐTV ngày 02/01/2025 của Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt về việc ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt;

Căn cứ ý kiến chấp thuận của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt thông qua Quy chế Công bố thông tin;

Căn cứ Công văn số 280/2025/TĐBV-TTTH ngày 12/03/2025 của Tập đoàn Bảo Việt về việc cho ý kiến về dự thảo Quy chế Công bố thông tin,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 04/2023/QĐ-BVF-HĐTV ngày 13/6/2023 về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt.



Điều 3. Các ông (bà) Tổng giám đốc, Thành viên Ban Điều hành; Giám đốc/ Phụ trách các Khối, Phòng, Bộ phận tại Trụ sở chính; Trưởng/Phụ trách văn phòng đại diện, các cán bộ có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- HĐTV (để báo cáo)
- KSV;
- Như điều 3 (để thực hiện)
- Lưu GSTT, HCTH

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Chủ tịch



Phạm Ngọc Sơn



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG
CHỨNG KHOÁN CỦA CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT
(Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2025/QĐ-BVF- HĐTV ngày 14/03/2025
của Hội đồng thành viên)

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (sau đây viết tắt là “Quy chế”) quy định việc tổ chức và thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt.
2. Đối tượng áp dụng:
 - Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt;
 - Các Quỹ đại chúng, Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt quản lý và các trường hợp thuộc danh mục tài sản ủy thác đầu tư của Khách hàng nhưng do Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt đứng tên sở hữu và quản lý;
 - Người nội bộ của Công ty và Người có liên quan của Người nội bộ của Công ty;
3. Mọi hoạt động tiết lộ, cung cấp, Công bố thông tin khác không thuộc quy định của pháp luật Chứng khoán về Công bố thông tin không chịu điều chỉnh theo Quy chế này.

Điều 2. Mục đích ý nghĩa

Việc Công bố thông tin quy định tại Quy chế này nhằm thực hiện việc Công bố thông tin ra công chúng được kịp thời, chính xác và tuân thủ quy định pháp luật về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. **Công ty/BVF:** là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt
2. **Công ty con:** là doanh nghiệp hạch toán độc lập do Công ty sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông phát hành của doanh nghiệp đó; hoặc Công ty có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp đó; hoặc Công ty có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp đó.
3. **Công ty liên kết:** là doanh nghiệp do Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến 50% cổ phần hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của doanh nghiệp đó và doanh nghiệp đó không phải là công ty con của Công ty.
4. **Người thực hiện công bố thông tin:** là khái niệm được quy định tại Điều 10 của Quy chế này.



5. **Thông tư 96:** là Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và/hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hướng dẫn.
6. **Thông tư 98:** là Thông tư số 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và/hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hướng dẫn.
7. **Thông tư 68:** là Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và/hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hướng dẫn.
8. **Quyết định số 21:** là Quyết định số 21/QĐ-SGDVN của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam ngày 21/12/2021 về việc ban hành quy chế Công bố thông tin tại Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Công ty con và/hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hướng dẫn.
9. **Công bố thông tin định kỳ:** là việc Công ty công bố thông tin vào những thời điểm xác định trong năm theo quy định của pháp luật.
10. **Công bố thông tin bất thường:** là việc Công ty công bố thông tin trong một thời hạn được xác định sau khi xảy ra các sự kiện bất thường theo quy định của pháp luật.
11. **Công bố thông tin theo yêu cầu:** là việc Công ty công bố thông tin khi có yêu cầu của UBCKNN hoặc SGDCK hoặc VSDC.
12. **Hội đồng thành viên/HĐTV:** là Hội đồng thành viên Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt;
13. **TGD:** là Tổng Giám đốc/Quyền Tổng Giám đốc Công ty
14. **Ban Điều hành:** là Tổng Giám đốc/Quyền Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc Công ty.
15. **UBCKNN:** là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
16. **SGDCK:** là Sở Giao dịch Chứng Khoán nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch;
17. **VSDC:** Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
18. **CBTT:** Công bố thông tin;
19. **Người nội bộ của Công ty** là:
 - a) Chủ tịch Hội đồng thành viên
 - b) Thành viên Hội đồng thành viên;
 - c) Trưởng ban kiểm soát và kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm toán nội bộ;

- d) Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Chủ sở hữu hoặc Hội đồng thành viên bổ nhiệm;
 - e) Người đại diện theo pháp luật,
 - f) Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền Công bố thông tin.
20. **Người nội bộ của Quỹ đại chúng, Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng là:**
- a) Thành viên Ban đại diện Quỹ đại chúng, thành viên Hội đồng quản trị Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - b) Người nội bộ của Công ty;
 - c) Người điều hành Quỹ đại chúng, Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

Điều 4. Phương tiện Công bố thông tin

Việc Công bố thông tin được thực hiện qua các phương tiện Công bố thông tin sau:

1. Trang thông tin điện tử (Website) của Công ty. Khối Hoạt động chịu trách nhiệm đảm bảo trang thông tin điện tử của Công ty phải tuân thủ các quy định về trang thông tin điện tử theo quy định Thông tư 96. Công ty phải báo cáo với UBCKNN, SGDCK và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;
2. Hệ thống Công bố thông tin của UBCKNN;
3. Trang thông tin điện tử của SGDCK, phương tiện Công bố thông tin khác theo Quy chế của SGDCK;
4. Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
5. Trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của đại lý phân phối, đại lý ký danh (đối với các thông tin phải công bố của các Quỹ mở do BVF quản lý);
6. Các phương tiện khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử...).

Điều 5. Ngôn ngữ Công bố thông tin

1. Ngôn ngữ thông tin công bố của BVF và các Quỹ do BVF quản lý bằng Tiếng Việt trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Ngôn ngữ thông tin công bố liên quan đến quỹ niêm yết (bao gồm thông tin của Quỹ và của Công ty gửi Sở GDCK) bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh theo lộ trình cụ thể như sau:
 - Thông tin định kỳ đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025;
 - Thông tin bất thường, thông tin theo yêu cầu và thông tin về các hoạt động khác bằng tiếng Anh kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;
3. Đối với thông tin công bố bằng tiếng Anh, nội dung công bố thông tin bằng tiếng Anh phải đảm bảo thống nhất với nội dung công bố thông tin bằng tiếng Việt đã công bố. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng. Khi thực hiện

4. CBTT bằng cả Tiếng Anh, BVF sẽ lưu ý về việc áp dụng trong trường hợp khác biệt giữa bản tiếng Anh và Tiếng Việt theo hướng dẫn của UBCK và SGDCK

Điều 6. Hình thức Công bố thông tin

Các tài liệu, báo cáo Công bố thông tin gửi cho UBCKNN, SGDCK, VSDC được thể hiện dưới hình thức văn bản và/hoặc dữ liệu điện tử theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK, VSDC.

1. Thông tin dưới hình thức bằng văn bản: Phải có đầy đủ dấu và chữ ký của người có thẩm quyền. Văn bản có thể được gửi bằng đường bưu điện hoặc fax hoặc thông qua email (là địa chỉ email đã được đăng ký với cơ quan quản lý). Nếu gửi qua fax/email thì bản chính phải được gửi ngay qua đường bưu điện trong vòng 24 giờ kể từ thời gian chuyển fax/email.
2. Thông tin bằng dữ liệu điện tử: thông tin bằng dữ liệu điện tử phải được chuyển đến UBCKNN, SGDCK, VSDC thông qua địa chỉ email hoặc phương tiện khác do UBCKNN, SGDCK, VSDC quy định. Dữ liệu điện tử dạng văn bản phải sử dụng bảng mã Unicode trên phần mềm Word, dữ liệu điện tử dạng số liệu dùng phần mềm Excel. Dữ liệu điện tử phải được ký số có chứng thực hoặc đáp ứng yêu cầu về tính xác thực theo quy định của UBCKNN hoặc SGDCK, VSDC.

Điều 7. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc Công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu đối tượng đó đồng ý.
2. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Công ty phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó theo các mẫu văn bản đã được quy định tại các Quy chế của SGDCK, Thông tư 96 và các văn bản pháp luật có liên quan.
3. Việc Công bố thông tin phải được thực hiện đồng thời với việc báo cáo UBCKNN, SGDCK, VSDC (nếu có theo quy định) về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.
4. Việc Công bố thông tin phải được thực hiện đồng thời trên các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật hoặc yêu cầu của Công ty.
5. Trong trường hợp Công ty đầu tư chứng khoán/Quỹ đại chúng do Công ty quản lý thực hiện niêm yết tại các SGDCK, Công ty đồng thời thực hiện việc công bố thông tin theo các quy định, hướng dẫn của SGDCK.
6. Trong trường hợp có bất kỳ loại/hình thức CBTT nào trên thị trường chứng khoán mà Công ty là đối tượng thực hiện nhưng chưa được đề cập đến tại Quy chế này

hoặc do thay đổi về quy định pháp luật, Công ty thực hiện CBTT theo các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 8. Lưu trữ tài liệu Công bố thông tin

Đầu mỗi thông tin thực hiện bảo quản lưu trữ các thông tin đã báo cáo, công bố như sau:

1. Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.
2. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu 05 năm.
3. Trường hợp quy định pháp luật có thay đổi về thời hạn lưu giữ thông tin tối thiểu nêu trên, thời hạn này sẽ được tự động thay đổi theo quy định pháp luật.
4. Bộ phận Công nghệ thông tin của Công ty có trách nhiệm đảm bảo việc lưu giữ thông tin công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định.

Điều 9. Tạm hoãn Công bố thông tin

1. Trong trường hợp việc Công bố thông tin không thể thực hiện đúng thời hạn do những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác, Đầu mỗi thông tin lập báo cáo trình Cấp có thẩm quyền ký báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn Công bố thông tin ngay khi sự kiện xảy ra (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn Công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.
2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định.

CHƯƠNG II. NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 10. Người thực hiện Công bố thông tin

1. Công ty thực hiện nghĩa vụ Công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền Công bố thông tin.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện Công bố thông tin mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền Công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện việc Công bố thông tin. Trường hợp Ban Điều hành có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, hoặc không xác định được người giữ chức vụ cao nhất thì các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm Công bố thông tin.
3. Các đối tượng công bố thông tin khác:

Các đối tượng CBTT khác khi thực hiện CBTT phải gửi thông tin công bố đến Công ty, đồng thời gửi đến UBCKNN và SGDCK để báo cáo bao gồm:

- Người nội bộ và Người có liên quan của Người nội bộ của Quỹ đại chúng do Công ty quản lý;
 - Nhà đầu tư, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng do Công ty quản lý; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng do Công ty quản lý;
 - Người nội bộ và người có liên quan của Người nội bộ của Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do Công ty quản lý;
 - Cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do Công ty quản lý;
 - Cổ đông lớn hoặc nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do Công ty quản lý;
4. Người thực hiện Công bố thông tin có thẩm quyền và trách nhiệm phê duyệt, quyết định các thông tin để thực hiện Công bố thông tin theo quy định pháp luật và Quy chế này.

Điều 11. Thay đổi Người thực hiện công bố thông tin

1. Công ty phải báo cáo, báo cáo lại Người thực hiện Công bố thông tin cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền, thay đổi Người thực hiện CBTT có hiệu lực.
2. Nội dung, thủ tục thay đổi Người thực hiện Công bố thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật, quy định của UBCKNN và SGDCK.

Điều 12. Đầu mối thông tin, Đầu mối thực hiện Công bố thông tin

1. Đầu mối thông tin là các Khối, Phòng, Bộ phận nghiệp vụ trực tiếp thực hiện các hoạt động, nghiệp vụ, giao dịch... có liên quan tới thông tin thuộc phạm vi phải công bố theo Quy chế này và quy định của pháp luật.
2. Đầu mối thực hiện Công bố thông tin là người/bộ phận được Tổng Giám đốc giao nhiệm vụ: (i) đầu mối quản lý tài khoản CBTT của Công ty, có trách nhiệm phối hợp trong quá trình CBTT tới cơ quan quản lý qua địa chỉ hòm thư (đã được đăng ký với cơ quan quản lý) và các tài khoản trên các cổng thông tin trực tuyến, hệ thống công bố thông tin trực tuyến theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước tại từng thời điểm; (ii) thực hiện CBTT của Công ty lên website Công ty theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật do Đầu mối thông tin cung cấp; (iii) chuyển bộ phận văn thư Văn bản để gửi bản giấy CBTT đến cơ quan quản lý bằng đường bưu điện.

Tổng Giám đốc quy định cụ thể về Đầu mối thông tin, Đầu mối thực hiện Công bố thông tin và quyền hạn, trách nhiệm của từng bộ phận cụ thể trong Quy trình Công bố thông tin.

CHƯƠNG III. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 13. Công bố thông tin định kỳ

1. Công bố thông tin về Báo cáo tài chính

a) Công bố Báo cáo tài chính năm:

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty phải thực hiện Công bố thông tin Báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

b) Công bố báo cáo tài chính bán niên:

Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính, Công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

c) Công bố báo cáo tài chính quý:

Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Thông tư 96;

Công ty phải công bố đầy đủ báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.

Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý, công bố báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý. Trường hợp Công ty đã thực hiện công bố báo cáo tài chính quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của Báo cáo tài chính quý thì không phải thực hiện công bố báo cáo tài chính quý.

2. Khi Công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1 Điều này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.
- 3. Công ty phải công bố báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/6 đã được soát xét và tại ngày 31/12 đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận cùng thời điểm với việc công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét và báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.
- 4. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty phải lập báo cáo thường niên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 96 và công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch, Công ty phải Công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 96.

Điều 14. Công bố thông tin bất thường

1. Công ty Công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau:
 - a) Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;
 - b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
 - c) Thông qua quyết định của HĐQT đối với các thông tin phải công bố theo quy định tại Điều 23 thông tư 96. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của HĐQT, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản).
 - d) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.
 - e) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

- f) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành Công ty con, Công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại Công ty con, Công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là Công ty con, Công ty liên kết hoặc giải thể Công ty con, Công ty liên kết.
- g) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm Người nội bộ của Công ty; nhận được đơn xin từ chức của Người nội bộ của Công ty (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK. Thông báo thay đổi nhân sự, Bản cung cấp thông tin của Người nội bộ Thông báo thay đổi người có liên quan của người nội bộ. Các mẫu biểu được áp dụng theo quy định của Thông tư 96 hoặc Quyết định 21 tương ứng.
- h) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, Người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Người nội bộ của Công ty;
- i) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;
- j) Công ty nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;
- k) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty;
- l) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;
- m) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;
- n) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).
- o) Khi nhận được quyết định của UBCKNN về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với công ty, chi nhánh, người hành nghề chứng khoán của công ty, chi nhánh; Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc bị tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán;
- p) Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự liên quan đến người hành nghề chứng khoán của công ty, chi nhánh;
- q) Khi nhận được quyết định của UBCKNN về việc đặt công ty vào diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt hoặc đưa ra khỏi diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt; đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động hoặc chấm dứt tình trạng đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động;
- r) Khi nhận được quyết định của UBCKNN chấp thuận việc thành lập, đóng cửa, thay đổi tên, địa điểm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện ở trong nước hoặc

nước ngoài; thay đổi nghiệp vụ kinh doanh tại chi nhánh; thành lập công ty con ở nước ngoài; việc đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

- s) Khi nhận được quyết định của UBCKNN chấp thuận việc thực hiện cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến;
2. Đối với công bố thông tin bất thường Công ty công bố thông tin theo mẫu quy định tại Thông tư 96, Quyết định số 21 và các quy định pháp luật sửa đổi, bổ sung có hiệu lực trong từng thời kỳ.
3. Công ty khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 15. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Công ty phải Công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK khi có thông tin liên quan đến Công ty, Văn phòng đại diện ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.
2. Nội dung thông tin công bố quy định tại khoản 1 Điều này phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân, mức độ xác thực của sự kiện đó và giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 16. Công bố thông tin của các Quỹ đại chúng do Công ty quản lý

1. Đối với các Quỹ đại chúng do Công ty quản lý:
 - Công ty thực hiện Công bố thông tin cho Quỹ đại chúng do Công ty quản lý theo quy định pháp luật.
 - Chi tiết thông tin công bố định kỳ, thông tin công bố bất thường, thông tin công bố theo yêu cầu thực hiện theo quy định Điều 26, Điều 27, Điều 30 Thông tư 96 và Điều 17 Quyết định số 21 đối với quỹ đại chúng niêm yết.
2. Đối với giao dịch chứng chỉ quỹ của Người nội bộ và Người có liên quan của Người nội bộ của Quỹ đại chúng do Công ty quản lý; nhà đầu tư, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng do Công ty quản lý; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng do Công ty quản lý:
 - Người nội bộ và Người có liên quan của Người nội bộ của Quỹ đại chúng do Công ty quản lý; nhà đầu tư, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng do Công ty quản lý; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng do Công ty quản lý có trách nhiệm tự xác định và thực hiện Công bố thông tin theo đúng quy định pháp luật.
3. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu chứng chỉ quỹ của các nhà đầu tư hoặc nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng do Công ty quản lý, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng do Công ty quản lý:

CH
TY
QU
T
H

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của Người nội bộ và người có liên quan của Người nội bộ của Quỹ đại chúng do Công ty quản lý phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
4. Công bố thông tin về Quỹ hoán đổi danh mục
- Quỹ hoán đổi danh mục thực hiện CBTT theo định kỳ, CBTT bất thường, CBTT theo yêu cầu thực hiện theo quy định Điều 26, Điều 27, Điều 30 Thông tư 96 và theo quy định về CBTT của Quỹ hoán đổi danh mục quy định tại Thông tư 98, Quyết định số 21 và các quy định khác có liên quan.
 - Trong giao dịch hoán đổi và giao dịch tái cơ cấu danh mục theo chỉ số tham chiếu, quỹ hoán đổi danh mục được miễn trừ nghĩa vụ Công bố thông tin của cổ đông lớn, người nội bộ của Quỹ và người có liên quan của người nội bộ của Quỹ theo quy định tại Điều 31 và Điều 33 Thông tư 96.
 - Thành viên lập quỹ và tổ chức tạo lập thị trường của quỹ hoán đổi danh mục được miễn trừ nghĩa vụ Công bố thông tin của cổ đông lớn, người nội bộ của Quỹ và người có liên quan của người nội bộ của Quỹ theo quy định tại Điều 31 và Điều 33 Thông tư 96 khi giao dịch chứng khoán cơ cấu của quỹ hoán đổi danh mục trong các trường hợp sau:
 - a) Mua chứng khoán cơ cấu để thực hiện hoán đổi lấy chứng chỉ quỹ nhằm đáp ứng lệnh mua của nhà đầu tư khi thực hiện nghĩa vụ tạo lập thị trường;
 - b) Bán chứng khoán cơ cấu là kết quả của việc hoán đổi từ chứng chỉ quỹ nhằm đáp ứng lệnh bán từ nhà đầu tư khi thực hiện nghĩa vụ tạo lập thị trường.
 - Tổ chức tạo lập thị trường của quỹ hoán đổi danh mục được miễn trừ nghĩa vụ Công bố thông tin trước khi thực hiện giao dịch của người nội bộ của Quỹ và người có liên quan của Quỹ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 33 Thông tư 96 khi thực hiện giao dịch tạo lập thị trường cho chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục theo mã nhận diện lệnh được SGDCK cấp.

Điều 17. Công bố thông tin của các Công ty đầu tư chứng khoán do Công ty quản lý

1. Đối với các Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do Công ty quản lý:
 - Công ty thực hiện Công bố thông tin cho Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do Công ty quản lý theo quy định pháp luật.
 - Chi tiết thông tin công bố định kỳ, thông tin công bố bất thường, Công bố thông tin theo yêu cầu thực hiện theo quy định Điều 28, Điều 29, Điều 30 Thông tư 96 và Điều 18 Quyết định số 21 đối với Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng niêm yết do Công ty quản lý.
2. Đối với giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của Người nội bộ, cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng, cổ đông lớn hoặc nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do Công ty quản lý:

- Người nội bộ và người có liên quan của Người nội bộ, cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng, cổ đông lớn hoặc nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do Công ty quản lý có trách nhiệm tự xác định và thực hiện Công bố thông tin theo đúng quy định pháp luật khi thực hiện giao dịch cổ phiếu theo quy định Điều 31, 32, 33 Thông tư 96.
- Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông lớn hoặc nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do Công ty quản lý.
- Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của Người nội bộ và người có liên quan của Người nội bộ của Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do Công ty quản lý phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.
- Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do Công ty quản lý phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 18. Công bố thông tin của các Danh mục ủy thác do Công ty quản lý

1. Công ty phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, CBTT liên quan đến giao dịch chứng khoán thay cho khách hàng của mình khi đứng tên sở hữu tài sản ủy thác của khách hàng trong trường hợp khách hàng của mình thuộc đối tượng CBTT.
2. Trường hợp khách hàng đầu tư đứng tên sở hữu tài sản ủy thác, khách hàng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, CBTT theo quy định pháp luật.
3. Trường hợp Hợp đồng quản lý đầu tư có quy định về việc Công bố thông tin đối với danh mục ủy thác đầu tư của Khách hàng, công ty thực hiện Công bố thông tin theo quy định tại Hợp đồng.
4. Ngoại trừ trường hợp khách hàng ủy thác đứng tên sở hữu, Công ty cùng khách hàng ủy thác phải thực hiện nghĩa vụ Công bố thông tin theo quy định sau:
 - Thực hiện nghĩa vụ Công bố thông tin áp dụng cho cổ đông lớn theo quy định tại Điều 31 Thông tư 96 khi toàn bộ số cổ phiếu thuộc sở hữu của Công ty và các khách hàng ủy thác đạt từ 5% trở lên tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng hoặc sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng, ngoại trừ khách hàng ủy thác là quỹ ETF;
 - Thực hiện nghĩa vụ Công bố thông tin áp dụng cho người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều 33 Thông tư 96 khi Công ty là người có liên quan của người nội bộ theo quy định của pháp luật, ngoại trừ giao dịch hoán đổi và tái cơ cấu danh mục định kỳ theo chỉ số tham chiếu của Quỹ ETF.

Điều 19. Công bố thông tin về giao dịch chứng khoán của cá nhân

Các cán bộ, nhân viên Công ty có giao dịch chứng khoán tự chịu trách nhiệm cá nhân trong việc kiểm tra, xác định giao dịch của mình về cổ đông lớn, giao dịch người nội bộ để thực hiện Công bố thông tin theo đúng quy định pháp luật và hoàn toàn độc lập chịu trách nhiệm pháp lý trong việc tuân thủ các quy định pháp luật liên quan về thực hiện giao dịch và Công bố thông tin.

Công ty không có trách nhiệm liên quan/liên đới đến việc thực hiện, Công bố thông tin về giao dịch của các cá nhân (ngoài việc công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty đối với những đối tượng quy định tại Điều 18).

Điều 20. Quy trình Công bố thông tin

Tổng Giám đốc công ty tổ chức xây dựng và ban hành Quy trình Công bố thông tin đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với mô hình hoạt động của công ty.

CHƯƠNG IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Quy chế này, sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật và quy định khác của BVF. Những nội dung nào trong Quy chế này trái với quy định của pháp luật, hoặc do sự thay đổi của VBPL thì đương nhiên hết hiệu lực và thực hiện theo quy định của pháp luật.
2. Các Khối, Bộ phận, Phòng chịu trách nhiệm phối hợp rà soát, cập nhật, bổ sung các nội dung thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ liên quan đến thông tin công bố theo quy định Quy chế này.

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng thành viên quyết định. Lãnh đạo các Khối, Phòng và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
Chủ tịch



The stamp is circular with a red border. The text inside the stamp reads: "S.G.P. 10 - C.T.T.N.H.H", "CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN", "QUẢN LÝ QU", "BẢO VIỆT", and "Q. HOÀN KIẾM - TP. HỒ CHÍ MINH". A blue ink signature is written over the stamp.

Phạm Ngọc Sơn